**Tiết 37,38. VĂN BẢN 2. DƯƠNG PHỤ HÀNH (CAO BÁ QUÁT)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.

- Phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

**2. Về năng lực**

Phát huy khả năng tự học và hợp tác để đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập. Cụ thể:

- Học sinh phân tích được hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- Phân tích được ý nghĩa và tác dụng của yếu tố tự sự trong thơ trữ tình.

- Viết được đoạn văn theo yêu cầu kết nối đọc – viết trong bài học.

**3. Về phẩm chất**

- Hiểu được tình cảm, tư tưởng của tác giả, từ đó, biết tôn trọng sự khác biệt; biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập, bảng phụ: sử dụng trong dạy đọc, viết.

- Phiếu hướng dẫn đọc, viết, phiếu nói và nghe, bảng tự đánh giá và đánh giá sau khi đọc.

**2. Học liệu:** Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Ngữ văn 11.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

**2. Kiếm tra bài cũ: không**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Kết nối với bài học - tạo tâm thế, tạo hứng thú để HS mong muốn khám phá kiến thức mới.

**b. Nội dung**

- HS xem hình ảnh về trang phục của phụ nữ Pháp, phụ nữ Việt Nam thế kỉ 19.

 

- Hs trả lời câu hỏi: Nêu 1 điểm khác biệt trong trang phục của phụ nữ phương Tây và phương Đông ở thế kỉ XIX ? Em có thể giải thích lí do cho sự khác biệt đó không?

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS xem hình ảnh, trả lời câu hỏi.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS xem hình ảnh và chia sẻ suy nghĩ của mình.  - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn (nếu có).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV gọi 2 -> 3 học sinh trả lời. GV nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét phần chia sẻ của HS, ghi nhận những đóng góp tích cực và tôn trọng những ý tưởng khác biệt.  - GV nhấn mạnh: mỗi trang phục có nét đẹp riêng, mỗi đất nước, mỗi thời đại có tiêu chí về vẻ đẹp riêng. Nên khi tiếp nhận sự khác biệt, cần có thái độ ứng xử phù hợp, tôn trọng.  - GV dẫn dắt vào bài học. | **-** Điểm khác biệt:vẻ đẹp của phụ nữ phương Tây và phương Đông;trang phục của phụ nữ phương Tây sang trọng, hiện đại, tôn vẻ đẹp hình thể; trang phục của phụ nữ phương Đông thanh lịch, truyền thống, kín đáo.  - Lí do: mỗi xã hội có tiêu chí khác nhau về vẻ đẹp, về trang phục, xã hội tư bản phương Tây đề cao cái tôi cá nhân, phong cách trẻ trung, quý phái của giới quý tộc; xã hội phong kiến phương Đông chuộng vẻ đẹp nhẹ nhàng, tinh tế, nho nhã, kín đáo. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**ĐỌC VĂN BẢN 2- DƯƠNG PHỤ HÀNH (CAO BÁ QUÁT)**

**2.1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả Cao Bá Quát, tác phẩm *Dương phụ hành*.

- Nhận biết điểm khác biệt giữa bản phiên âm và dịch thơ.

**b. Nội dung:**

- Đọc văn bản, chú ý các thẻ chỉ dẫn, cước chú, thông tin về tác giả, tác phẩm.

- HS đọc văn bản, tham gia trò chơi, trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** phần đọc của hs; câu trả lời cho câu hỏi 1 cuối bài học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Đọc văn bản: GV yêu cầu HS chú ý thẻ chỉ dẫn trước, đọc văn bản sau. Gọi 1 HS đọc phần phiên âm, dịch thơ trước lớp.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS đọc văn bản, đối chiếu những từ khó và chú giải, trả lời một số câu hỏi chỉ dẫn đọc.  **B3. Báo cáo thảo luận**  Một số HS trả lời các câu hỏi chỉ dẫn đọc, HS khác chia sẻ, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá.  **\*Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về tác giả và văn bản**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Tìm trong sgk ,rút ra những kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trả lời, rút ra kiến thức cơ bản cần nắm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, đánh giá.  **\*Nhiệm vụ 3: So sánh bản phiên âm và dịch thơ**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  So sánh bản dịch thơ và nguyên tác, chỉ ra chỗ khác biệt.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân, đối chiếu, chỉ ra sự khác biệt.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS trình bày, bổ sung, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** Gv nhận xét, chuẩn xác kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Cao Bá Quát (1808 – 1855), quê Hà Nội.  - Nổi tiếng văn hay chữ tốt (Thánh Quát), lận đận khoa cử, khí phách ngang tàng, phóng túng “nhất sinh đê thủ bái hoa mai”.  - 1841, đi phục dịch ở vùng Hạ Châu -> tiếp xúc văn minh xứ lạ, thay đổi nhận thức.  - 1854, lãnh đạo khởi nghĩa Mỹ Lương chống nhà Nguyễn, tử trận, bị kết án “tru di tam tộc”.  - Đặc điểm thơ văn: phong phú về thể loại, tình cảm tha thiết với quê hương, gia đình và những người cùng khổ, có cái nhìn dân chủ và nhân văn sâu sắc.  **2. Văn bản**  - Thể loại: hành (thơ cổ thể)  - 1884, trong dịp xuất dương hiệu lực.  - Bố cục: câu 1- 7 (hình ảnh người thiếu phụ tây phương) – câu 8 (tâm trạng của nhà thơ)  - Điểm khác biệt giữa bản dịch thơ và phiên âm:  + *y như tuyết (*màu sắc áo, cái nhìn thiện cảm với vẻ đẹp thuần khiết) - *áo trắng phau* (chỉ nói được màu sắc của áo)  + *phiên thân* (nghiêng mình, vẻ nũng nịu, duyên dáng) - *uốn éo* (chỉ miêu tả tư thế, mất đi nét biểu cảm) |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích được yếu tố tự sự trong bài thơ: không gian, thời gian, sự việc, hình ảnh người thiếu phụ phương tây (vẻ ngoài sang trọng, cuộc sống hạnh phúc)

- Hiểu được điểm nhìn, cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ – nhà Nho, nhà thơ phương Đông.

**b. Nội dung:**

**-** HSthảo luận theo nhóm.

**c. Sản phẩm:**

**-** Câu trả lời của nhóm học sinh.

- HS hoàn thành các Phiếu học tập số 1, 2

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu 7 câu đầu**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chia nhóm từ 4-6 HS, phát phiếu học tập, thời gian: 5 phút.   |  |  | | --- | --- | | **Nhóm…….** | | | **Câu hỏi** | **Trả lời** | | 1. Tìm hiểu thời gian ,không gian yếu tố tự sự trong 7 câu đầu:  2. Hình ảnh người thiếu phụ phương Tây (trang phục, cử chỉ, điệu bộ)  - Nhận xét về vẻ đẹp và cuộc sống gia đình của người thiếu phụ. |  |   3. Dưới điểm nhìn của một nhà Nho đồng thời cũng là một nhà thơ phương Đông, tác giả bộc lộ thái độ, cảm xúc gì?  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV yc hs trao đổi PHT giữa các nhóm, ghi góp ý ra bên cạnh PHT, chuyển lại.  - HS trình bày, bổ sung, nhận xét.  - GV quan sát, định hướng để việc thảo luận đúng trọng tâm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, chuẩn xác.  Liên hệ bài thơ Tự quân chi xuất hĩ (Từ thuở chàng ra đi) của CBQ, thể hiện một cách chân thành, tinh tế, cảm động tình yêu, khát vọng hạnh phúc lứa đôi:  Từ ngày anh ra đi,  Đêm đêm giường quạnh hiu.  Trăng khơi soi mộng lẻ,  Gió bến lạnh hơi chiều.  Áo rét em cất giữ,  Gương nhỏ anh mang theo.  Tạm để cùng yên ủi,  Không lạt tình thương yêu.  Hoặc bài Thăng Long thành hoài cổ (Bà HTQ):  *Ngàn năm gương cũ soi kim cổ Cảnh đó người đây luống đoạn trường!*  Để thấy những vần thơ thấm đẫm lệ ly hương.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS nhận nhiệm vụ, thảo luận, ghi vào PHT  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày, bổ sung, nhận xét.  - GV quan sát, định hướng để việc thảo luận đúng trọng tâm.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, chuẩn xác. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Thời gian, không gian, yếu tố tự sự trong bài thơ**  **-** Thời gian: đêm trăng  - không gian: biển, thuyền  - Các yếu tố tự sự:  + Người thiếu phụ tựa vai chồng trong đêm trăng  + Thấy thuyền người Nam có ánh đèn  + Kéo áo chồng, cầm cốc sữa hờ hững  + Đòi chồng đỡ dậy  ***=> Gợi những liên tưởng, những cảm xúc thầm kín của một con người cô đơn xa nhà trong đêm trường lạnh lẽo giữa biển cả mênh mông***  **2. Hình ảnh người thiếu phụ Phương Tây**  - ***Vẻ ngoài sang trọng, trẻ trung, duyên dáng***  + Trang phục: y như tuyết (trắng phau)  → Tác giả tán thưởng kín đáo một vẻ đẹp xa lạ: vẻ đẹp trong sáng, rực rỡ  + Ngôn ngữ, cử chỉ, tư thế: tự nhiên, chủ động và yêu kiều (Tựa vai chồng; Kéo áo chồng; đòi chồng nâng đỡ dậy)  **- Cuộc sống sung túc, đầm ấm, hạnh phúc:**  + Cầm cốc sữa hờ hững trên tay  + Thể hiện tình yêu và hạnh phúc bằng những cử chỉ, điệu bộ thân mật, nũng nịu  => Tác giả miêu tả vẻ đẹp của người thiếu phụ phương Tây một cách khách quan, không biểu hiện thái độ phê phán mà tỏ vẻ tán thưởng, đồng cảm, kín đáo  **3. Cảm xúc,tâm trạng nhân vật trữ tình**  Ngạc nhiên, ngỡ ngàng khi chứng kiến những điều mới mẻ, xa lạ.  - Đồng cảm, trân trọng với HP của vợ chồng người thiếu phụ phương Tây và những vẻ đẹp khác biệt, thậm chí xa lạ với nền văn hóa của dân tộc mình  - Ẩn sâu sau nỗi sầu ly biệt là nỗi nhớ thương, niềm khát khao hạnh phúc gia đình và khát vọng đoàn tụ của Nvtt  🡪Cái nhìn khách quan, cởi mở, táo bạo, thể hiện một quan niệm mới mẻ, hiện đại.   Chất nhân văn sâu sắc trong tâm hồn tác giả |

**2.3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

**-** Hiểu được giá trị nhân đạo của bài thơ.

- Hiểu được vai trò của yếu tố tự sự trong thơ.

**b. Nội dung:**

- HS trả lời câu hỏi số 6 cuối văn bản.

- Vận dụng kiến thức ở phần Tri thức ngữ văn lí giải vai trò của yếu tố tự sự.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu câu hỏi:  - Cảm nhận về tư tưởng, tâm hồn tác giả.  - Yếu tố tự sự có ý nghĩa ntn trong bài thơ?  YC hs chuẩn bị trong 5 phút, trình bày trong 2 phút.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời.  **GV gợi dẫn:**  - Giá trị nhân đạo của bài thơ.  - Câu chuyện về người thiếu phụ được kể ntn? Có tác động gì đến cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ?  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS trình bày  GV gọi bổ sung, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét, chuẩn xác. | **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nhân đạo:**  - Quan niệm mới mẻ, sâu sắc về cuộc sống, văn chương.  - Trân trọng, đề cao tình yêu, hạnh phúc của con người.  **2. Vai trò của yếu tố tự sự:**  - Câu chuyện về người thiếu phụ được kể qua 1 vài chi tiết (không gian, thời gian, trang phục, cử chỉ, điệu bộ)  - Làm nền cho cảm xúc, tâm trạng nhà thơ được bộc lộ trọn vẹn. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về một khía cạnh thuộc nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ.

**b. Nội dung:** HS kết nối kiến thức từ bài học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn hoàn chỉnh về hình thức và nội dung của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về điều anh/chị tâm đắc nhất trong bài thơ Dương phụ hành.  - Thời gian: 15 phút.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS nhận câu hỏi, xác định vấn đề nghị luận, tìm ý, viết đoạn văn.  - GV gợi ý: liên hệ hcst, điểm nhìn của nhà nho, nhà thơ phương Đông.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - GV trình chiếu các tiêu chí chấm bằng bảng kiểm  - HS trình bày, bổ sung, nhận xét.  - GV yêu cầu HS dựa vào bảng kiểm, nghe phần trình bày của bạn để đánh giá.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, chuẩn xác. | - Đoạn văn: đảm bảo về hình thức (150 chữ, kết cấu rõ ràng, mạch lạc); có thể chọn một khía cạnh về nội dung(làm rõ vẻ đẹp, cuộc sống hạnh phúc của người thiếu phụ; quan niệm mới mẻ, điểm nhìn khách quan của tác giả) hoặc một nét đặc sắc về nghệ thuật. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**

- Đọc văn bản ngoài sgk, cùng thể loại hành.

- Hiểu được nội dung, sự kết hợp của tự sự và biểu cảm trong văn bản.

**b. Nội dung:**

- HS đọc đoạn trích trong văn bản *Sa hành đoản ca* (Cao Bá Quát)

- Dựa vào chú thích để trả lời các câu hỏi.

- Thảo luận nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV trình chiếu hoặc phát bài tập cho các nhóm

**-** **HS đọc đoạn trích trong văn bản *Sa hành đoản ca* (Cao Bá Quát)**

Phiên âm:

*Trường sa, trường sa, nại cừ hà?  
Thản lộ mang mang uý lộ đa.  
Thính ngã nhất xướng cùng đồ ca.  
Bắc sơn chi bắc, sơn vạn điệp,  
Nam sơn chi nam, ba vạn cấp,  
Quân hồ vi hồ sa thượng lập?*

Dịch nghĩa:

*Bãi cát dài, bãi cát dài, biết tính sao đây?  
Bước đường bằng phẳng thì mờ mịt, bước đường ghê sợ thì nhiều.  
Hãy nghe ta hát khúc “đường cùng”,  
Phía bắc núi Bắc núi muôn trùng,  
Phía nam núi Nam sóng muôn đợt.  
Anh còn đứng làm chi trên bãi cát?*

*Chú thích:*  Cao Bá Quát thi đỗ cử nhân năm 1831, tại trường thi Hà Nội. Để thi tiến sĩ, cần vào kinh đô Huế. Do vậy, ông đã nhiều lần đi Huế để thi Hội (nhưng đã không đỗ tiến sĩ). Hành trình từ Hà Nội vào Huế qua nhiều tỉnh miền trung như Quảng Bình, Quảng Trị là vùng có nhiều bãi cát trắng mênh mông, sóng biển và núi đã gợi cảm hứng cho tác giả sáng tác bài thơ.  
- **Dựa vào chú thích để trả lời các câu hỏi:**

+ Ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh “bãi cát dài”.

+ Lí giải cụm từ “đường cùng”.

+ Câu hỏi tu từ cuối văn bản bộc lộ thái độ, tâm trạng gì?

+ Chỉ rõ yếu tố tự sự trong văn bản.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS xem câu hỏi, chú thích, thảo luận, trả lời.

GV quan sát, gợi ý.

**B3. Báo cáo thảo luận**

GV trình chiếu Thang đo.

HS trình bày, nhận xét, bổ sung.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV dựa vào thang đo, nhận xét phần thuyết trình, tranh biện của các nhóm.

- Bãi cát dài = ẩn dụ cho con đường công danh mờ mịt.

- Đường cùng = sự bế tắc, tuyệt vọng không biết đi tiếp hay từ bỏ.

- Câu hỏi tu từ: nhận thức được hoàn cảnh, quyết tâm từ bỏ con đường danh lợi để giải thoát, theo đuổi lí tưởng của riêng mình.

- Yếu tố tự sự: kể về hành trình theo đuổi công danh sự nghiệp khó khăn, gian truân, mờ mịt. Sự thức tỉnh của kẻ sĩ.

**4. Củng cố:**

- Yếu tố tự sự và vai trò của chúng trong bài thơ.

- Hình tượng người thiếu phụ phương Tây và cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình.

- Tình cảm, tư tưởng của tác giả; biết tôn trọng sự khác biệt, biết trân trọng tình yêu, tình cảm gia đình.

**5. HDVN:**

- Đọc thêm các tác phẩm: Tống biệt hành (Thâm Tâm), Sở kiến hành (Nguyễn Du) để hiểu rõ về thể loại, nội dung thường gặp trong các bài thể loại hành (tình cảm gia đình, sự việc ấn tượng, đồng cảm với con người)

- Đọc văn bản 3: THUYỀN VÀ BIỂN (Xuân Quỳnh), tác giả, tác phẩm. Trả lời các câu hỏi cuối văn bản 3. Nghe bài hát Thuyền và biển (thơ Xuân Quỳnh, nhạc: Phan Huỳnh Điểu).

- Sưu tầm các bài thơ: Sóng, Thơ tình cuối mùa thu (Xuân Quỳnh).